Vì độc lập
Hoà Bình !

ĐÔNG DƯƠNG
1945/1973

Thế Nguyên
Diễm Châu
Đoàn Tường
Trình Bày

Lời giới thiệu

Với những Hiệp định được ký kết tại Pa-ri ngày 27 tháng Giêng 1973 về Việt-nam và tại Vạn-tượng ngày 21 tháng Hai 1973 về Ai-lao, cuộc ngừng bắn đã bắt đầu có hiệu lực tại Nam Việt-nam từ 8 giờ sáng ngày 28 tháng Giêng 1973 và tại Ai-lao từ 12 giờ trưa ngày 22 tháng Hai 1973. Tuy nhiên từ đó đến nay, tại Nam Việt-nam cũng như tại Ai-lao, trên thực tế, cuộc chiến vẫn còn tiếp diễn. Tại Ai-Lao, chỉ ít giờ sau khi lệnh ngưng bắn có hiệu lực, các phi vụ dội bom bằng máy bay B.52 của Hoa-kỳ đã hoạt động trở lại nói là « theo lời yêu cầu của chính phủ Vạn-tượng và để ngăn chặn một cuộc tiến quân của quân đội Pathet Lào ».

Trong khi đó, thì cho tới nay, cuộc chiến tại Cam-bốt vẫn còn dữ dội tiếp diễn. Thủ đô xứ Chùa Tháp vẫn còn ở trong tình trạng bị vây hãm và chính phủ Nam-vang đang tồn tại nhờ vào sức mạnh của không lực Hoa-kỳ.

Dưới sự thúc đẩy của người Mỹ, Tổng thống Lon Nol của Cam-bốt đã phải mở rộng căn bản chính phủ của mình hầu có thể tiến tới việc thương thuyết với Mặt trận Thống nhất Cam-bốt, một tập hợp gồm lẫn lộn những người Khmer Đỏ, những người ủng hộ Thái tử Sihanouk và nhiều khuynh hướng khác nữa.

Hoa-kỳ cũng đang cố tạo ra những áp lực với Bắc Việt (ngưng công tác vớt mìn trên các thủy lộ VNDCOH ; đình chỉ các phiên họp về vấn đề tái thiết hậu chiến cho BV ; mở lại những phi vụ thám thính bằng những máy bay không người lái trên không phận BV) hầu buộc Bắc Việt phải ngừng hỗ trợ cho Mặt trận Thống nhất Cam-bốt, đồng thời cũng là để biện minh cho sự can dự sâu đậm của Hoa-kỳ vào Cam-bốt trong việc bảo vệ sự tồn tại của chế độ Lon Nol.

Hơn ai hết, người Mỹ biết rằng vấn đề Đông-dương là một toàn bộ và sẽ không thể giải quyết được gì nếu mới chỉ giải quyết một phần trong toàn bộ đó.

Với sự khả dĩ nhất để mọi phía có thể chấp nhận :

— Vấn đề Việt-nam, cái phần gai góc nhất trong toàn bộ Đông-dương, đã được giải quyết qua Hiệp định Pa-ri ngày 27 tháng Giêng 1973 ;

— Ai-lao, kế đó, cũng đã có lối thoát với Hiệp định được ký kết tại Vạn-tượng ngày 21 tháng Hai 1973 ;

— Giờ đây, Cam-bốt chính là cái phần còn lại mà người ta sẽ phải tiến đến một thỏa thuận trong những tháng sắp tới, trừ khi có một biến cố lớn lao khả dĩ có sức mạnh có thể xoay ngược lại chiều bánh xe lịch sử, mà trong những điều kiện hiện tại, điều này hầu như tuyệt đối không thể xảy ra.

Vậy, một cách thuận lý, vấn đề Cam-bốt rồi ra sẽ phải được giải quyết; và giải quyết sớm, hầu tránh nguy cơ về một sự đổ vỡ đối với các thỏa thuận đã đạt được tại Việt-nam và Ai-lao.

Lịch sử của 27 năm chiến tranh tại Đông-dương đã minh chứng một cách rõ rệt rằng không thể có một chiến thắng hoàn toàn bằng quân sự trong vùng đất này. Vậy, nếu muốn giải quyết sớm vấn đề Cam-bốt, để khả dĩ có thể tiến tới một thỏa hiệp, hẳn sẽ phải có những sự nhân nhượng hỗ tương giữa các bên. Sự nhân nhượng hỗ tương đó có thể không chỉ giới hạn trong vấn đề Cam-bốt mà còn ảnh hưởng tới cả các phần khác của Đông-dương. Thật không phải là vô tình khi các thương thuyết gia ở Pa-ri đã để lại quá nhiều những điểm hàm hồ trong bản thỏa hiệp đã được ký kết về Việt-nam.

Vấn đề Cam-bốt sẽ được giải quyết như thế nào ? Sự nhượng ắt phải có giữa các bên để có thể đạt tới một thỏa hiệp

tại Cam-bốt liệu có ảnh hưởng gì, và thế nào, tới các phần khác của Đông-dương ?

Đó là những câu hỏi không chỉ liên quan tới người Cam-bốt lúc này, mà chính còn là vấn đề cho cả nhân dân Ai-lao và nhất là nhân dân miền Nam Việt-nam nữa.

Nhằm giúp một số lớn bạn đọc có lẽ không am tường lắm về đầu mối của những tranh chấp hiện nay tại Ai-lao và Cam-bốt, về những liên hệ lịch sử giữa ba dân tộc Đông-dương, chúng tôi cố gắng cống hiến bạn đọc tập tài liệu « ĐÔNG DƯƠNG/1945-1973 » này.

Tập tài liệu mặc dù đã được các tác giả biên soạn trong những điều kiện rất giới hạn của hoàn cảnh quá độ hiện nay, do đó vấn đề trình bày có thể đã có phần đơn giản, sơ lược ; nhưng ít ra tập tài liệu cũng giúp chúng ta có được một ý niệm để hiểu đại cương về các biến chuyển và các mối liên hệ lịch sử giữa các nước tại Đông-dương từ 1945, về các thỏa hiệp nhằm giải quyết sự xung đột tại miền đất này đã đạt được từ 1954 đến nay...

Một cuộc nhìn lại như vậy, chắc chắn sẽ giúp chúng ta dễ dàng hơn trong việc nhận định những biến chuyển sắp tới của thời cuộc và trong sự lựa chọn một thái độ cho mình trước những biến chuyển đó.

Saigon, ngày 10 tháng Năm 1973

Đ.D.

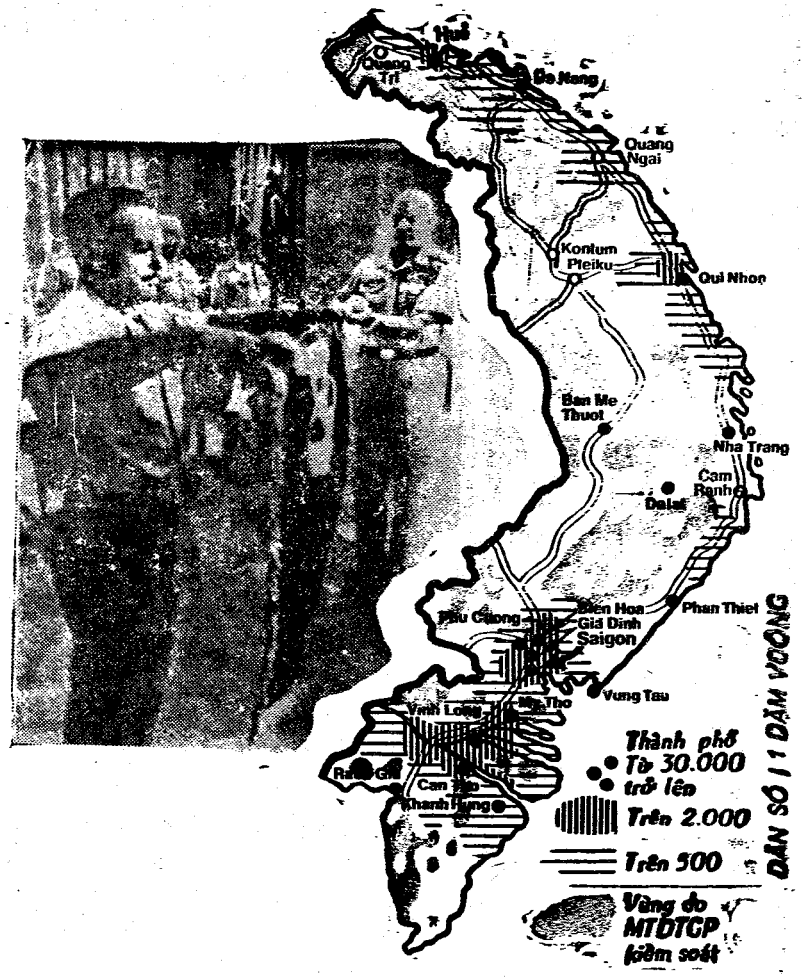

Bản đồ bán phần V N. của Tuần báo **Newsweek** *trong số ra ngày 6-11-1972 cho thấy phần lãnh thổ do mỗi bên trong hai bên miền Nam V N. kiểm soát.* **Hình bên trái :** *Quang cảnh buổi lễ cuốn cờ của quân đội Mỹ tại căn cứ không quân Tân Sơn Nhất — Saigon, mấy tuần sau khi « Hiệp định Chấm dứt Chiến tranh và Lập lại Hòa bình ở V.N. » được ký kết.*

VÌ ĐỘC LẬP
HÒA BÌNH !

Sadec, Nov 15, 2014

ĐÔNG DƯƠNG
1945-1973

(Tài liệu — Những biến cố chính — Toàn bộ các văn kiện Hiệp định liên quan tới việc giải quyết chiến tranh tại Đ D. qua các Hội nghị : GENÈVE 1954 và 1962, PARIS 1973, VẠN-TƯỢNG 1973)

THẾ NGUYÊN
DIỄM CHÂU
ĐOÀN TƯỜNG
trình bầy

Những « Ông Đại sứ » của Hoa-kỳ tại V.N. và các « khuôn mặt » lãnh đạo VNCH từ sau cuộc đảo chánh 1-11-1963. **Hình trên, từ trái qua phải :** *Thống tướng Maxwell D. Taylor và Thiếu tướng Không quân Nguyễn cao Kỳ trong chức vụ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương ; ông Henry Cabot Lodge và Đại tướng Nguyễn Khánh trong chức vụ Thủ tướng Chính phủ.* **Hình dưới :** *Ông Ellsworth Bunker và Trung tướng Nguyễn văn Thiệu, Tổng thống VNCH.*

PHẦN THỨ NHẤT

Việt-nam/1945-1973

Ông Kissinger, Cố vấn Đặc biệt của Tổng thống Hoa-kỳ, trong chuyến đi Bắc Việt để thảo luận về vấn đề tái thiết hậu chiến cho VNDCCH đang được Thủ tướng Phạm văn Đồng tiếp kiến tại Hà-nội.

(Xem chú thích ở trang bên)

CÁC BIẾN CỐ CHÍNH (1945-1973)

2.9.45 : Chủ-tịch Chính phủ Lâm thời VNDCCH, Hồ chí Minh, tuyên cáo Việt-nam độc lập.

6.3.46 : Tàu chiến Pháp tiến vào Hải-phòng. Hiệp định Sơ bộ Việt-Pháp được ký kết tại Hà-nội, theo đó « chính phủ Pháp nhìn nhận Cộng-hòa Việt-nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, quốc hội, quân đội và tài chính riêng, ở trong khối Liên bang Đông-dương và Liên hiệp Pháp ». Hiệp định dự trù là quân đội Pháp sẽ trở lại Bắc-kỳ, nhưng sẽ rút đi sau một thời hạn là 5 năm ; Nam-kỳ sẽ tự quyết định, bằng một cuộc trưng cầu dân ý, là có gia nhập vào quốc gia Việt-nam hay không.

19.3.46 : Cédile, Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam-bộ, ra tuyên ngôn đại ý rằng Hiệp định mới được ký kết không dính dấp gì đến Nam-bộ. Hội đồng Tư vấn do Pháp đề cử ra ở Nam-bộ nhóm phiên nhóm đầu tiên, chấp thuận bản kiến nghị của Nguyễn văn Thinh yêu cầu Pháp «để cho cuộc tự trị của Nam-kỳ nguyên vẹn» và nại lý do tình hình còn rối ren chưa thể tổ chức cuộc trưng cầu dân ý như Hiệp định Sơ bộ 6.3 đã quy định.

1.6.46 : Chính phủ « Nam-kỳ quốc » ra đời do Nguyễn văn Thinh làm Thủ tướng.

Để chính phủ Nguyễn văn Thinh có một « căn bản pháp lý », ngày 3.6, Ủy viên Cộng hòa Pháp ký với Nguyễn văn Thinh một « Hiệp ước » nhìn nhận « Nam-kỳ quốc » và « chính phủ tự trị ».

Từ khi có chính phủ Nam-kỳ tự trị, phong trào kháng chiến gia tăng mãnh liệt tại khắp Nam-bộ.

Hình trang bên : *Từ thời chính quyền Truman, qua quyết định viện trợ quân sự cho thực dân Pháp, Hoa-kỳ đã dính líu vào cuộc chiến ở Đ.D. Tuy vậy, kể từ thời chính quyền Eisenhower trở đi, người Mỹ mới đảm nhiệm vai trò trực tiếp trong cuộc chiến này.* Hình trên : *Bốn chính quyền Mỹ liên tiếp đã thi hành chính sách can thiệp trực tiếp vào Đ.D.* Từ trái qua phải, từ trên xuống dưới : *Các Tổng thống Mỹ Dright D. Eisenhower, Lyndon B. Johnson, John F. Kennedy, Richard M. Nixon. (Hình chụp lúc này ông Johnson còn là Phó Tổng thống dưới thời chính quyền Kennedy).*

14.9.46: Tuy các Hội nghị Đà-lạt (16.4 — 11.5.46) và Fontainebleau (6.7 — 12.8.46) thất bại, một Tạm ước vẫn được ký kết giữa hai bên Pháp - Việt vào đêm 14.9 mà kể từ ngày 30-10 sẽ bắt đầu thi hành. Mục đích của Tạm ước 14.9 là nhằm chấm dứt các cuộc xung đột, khủng bố và tuyên truyền thù nghịch ; lập các Ủy ban Quân sự Hỗn hợp Pháp-Việt để lo việc ngưng bắn, ổn định trật tự, trong khi chờ đạt tới một hiệp định dứt khoát. Tạm ước này không được người Pháp thi hành. Các cuộc viện quân ra Đà-nẵng vẫn tiếp tục, các cuộc hành binh tảo thanh và những vụ đàn áp vẫn được người Pháp tiến hành tại Nam-bộ và Nam phần Trung-bộ...

25.11.46 : Pháp gửi tối hậu thư cho nhà đương cục Việt-nam ở Hải-phòng buộc phải rút quân trước 9 giờ tối, nhường quyền chiếm đóng cho bộ đội Pháp. 10 giờ đêm, lệnh truy kích các căn cứ quân sự Việt-nam ở Hải-phòng của Pháp được ban hành. Chiến hạm Suffren nã súng vào thành phố. Trong đêm 23.11, tại Hải-phòng, có tới 6 000 người chết, không kể số người bị thương.

19.12.46 : Súng nổ ở Hà-nội : Chiến tranh Việt-Pháp bắt đầu.

5.6.48 : Pháp đặt Bảo Đại làm Quốc trưởng Quốc gia Việt-nam, xuyên qua Thỏa hiệp Bollaert — Bảo-Đại, Nguyễn-văn Xuân được ký kết trên tuần dương hạm Dugusy Trouin neo trong vịnh Hạ-long.

7.12.49 : Mao trạch Đông hoàn toàn kiểm soát Hoa-lục. Việt Minh được Trung-hoa hứa giúp đỡ.

Tháng Giêng 50 : Trung-cộng thừa nhận nước VNDCCH.

25.6 50 : Chiến tranh Triều-tiên bùng nổ. Hoa-kỳ bắt đầu viện trợ cho Pháp ở Việt-nam (500 triệu mỹ-kim mỗi năm).

27.7.53 : Ký kết đình chiến ở Triều-tiên. Chiến tranh du kích gia tăng ở Bắc Việt. Nhằm đưa chiến tranh vào vùng đất của Việt Minh, người Pháp lập căn cứ ở Điện biên Phủ vào tháng 9.

Tháng 11.53 : Hồ chí Minh tuyên bố sẵn sàng thương thuyết để tiến tới một thỏa hiệp đình chiến. Lời tuyên bố được tờ *Expressen*, một báo Thụy-điển, đăng trên số ra ngày 29.11.53.

Tháng 3.54 : Bộ đội Việt Minh bắt đầu vây hãm Điện biên Phủ.

26 4 54 : Hội nghị Genève khai mạc. Tuy vậy các cuộc thảo luận về Đông-dương chỉ thực sự bắt đầu từ 8.5.54.

7.5.54 : Căn cứ Điện biên Phủ thất thủ.

Tháng 6.54 : Đại tá Edward G. Lansdale thuộc tổ chức CIA của Hoa-kỳ được cử tới Saigon cầm đầu đội gián điệp « hoạt động bán quân sự » và « chiến tranh tâm lý chính trị » chống lại miền Bắc Việt-nam.

21.7.54 : Các văn kiện của Hiệp định Đình chỉ Chiến sự ở Đông-dương được ký kết. Hiệp-định về Việt-nam được Pháp và VNDCCH ký kết lúc 3 giờ 15 sáng 21.7.54 trong lúc đồng hồ ở Điện Vạn-quốc ở Genève vẫn được giữ nguyên ở khắc 12, đêm 20.7. Phái đoàn Quốc gia Việt-nam (Bảo Đại) và Phái đoàn Hoa-kỳ không ký vào Hiệp-định.

27.7.54 : Cuộc ngừng bắn bắt đầu được thực hiện tại Bắc bộ Việt-nam vào lúc 8 giờ sáng. Chiến tranh Việt-Pháp khởi sự tại thủ đô Hà-nội từ đêm 19.12.46 chính thức chấm dứt sau 7 năm 7 tháng 8 ngày.

8.9.45 : Hoa-kỳ thành lập Tổ chức Hiệp ước Liên phòng Đông nam Á (SEATO), một tổ chức liên hiệp các nước

chống Cộng, và « mở rộng » các bảo đảm an ninh cho cả Đông-dương.

Tháng 10.54 : Hoa-kỳ khởi sự các hoạt động phá hoại bí mật tại các thành phố miền Bắc Việt-nam đang được chính quyền mới tiếp thu.

Tháng 9.55 : Thủ tướng Diệm, với sự giúp đỡ của CIA Mỹ, dẹp tan được các cuộc nổi dậy của các giáo phái ở Saigon. Người Mỹ nhận đảm nhiệm công tác huấn luyện cho Nam Việt-nam. Số cố vấn Mỹ lên đến 327 người.

16.7.55 : Hoa-kỳ khuyến khích ông Diệm tẩy chay cuộc bầu cử thống nhất.

26.10.55 : Ngô đình Diệm tuyên cáo thành lập VNCH sau khi truất phế Bảo Đại.

1956 : Cuộc bầu cử thống nhất như Hiệp định Genève quy định không được thực hiện.

1957-1959 : Các hoạt động du kích gia tăng tại Nam Việt-nam.

8.7.59 : Hai cố vấn Mỹ bị du kích quân phục kích hạ sát. Đây là những người Mỹ đầu tiên thiệt mạng trong cuộc chiến tranh thứ II tại Việt-nam.

Tháng 5.60 : Hoa-kỳ gia tăng số cố vấn lên đến 685 người, con số tối đa được Hiệp định Genève cho phép. Con số này gia tăng đến 900 vào tháng 12.

8 11.60 : Kennedy đắc cử T.T. Hoa-kỳ. Mỹ bắt đầu một chính sách can dự sâu rộng vào Việt-nam.

11.11.60 : Cuộc nổi loạn của một số sĩ quan cấp tá trong quân đội VNCH nhằm lật đổ chính quyền Diệm thất bại vì không được Mỹ ủng hộ.

20.12.60 : MTDTGPMN được thành lập.

Tháng 5.61 : Kennedy quyết định gửi các binh sĩ thuộc Lực lượng Đặc biệt qua Nam Việt-nam và ra lệnh phát động một chiến dịch thuộc chiến tranh bí mật chống lại Bắc Việt.

Tháng 10.61 : Cố vấn quân sự đặc biệt của T.T. Mỹ, tướng Maxwell Taylor, được phái qua Saigon. Kennedy gia tăng lực lượng quân sự Mỹ tại Nam Việt-nam lên đến con số 3 200 người.

8.2.62 : Một Bộ Chỉ huy Quân sự Hoa-kỳ được thiết lập tại Saigon.

Tháng 5 63 : Phật tử và sinh viên ở Huế biểu tình phản kháng chính quyền Diệm. Binh lính của Diệm nổ súng vào đám đông. Khủng bố, bạo động, rối loạn khắp Saigon. Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu phản đối chính quyền Diệm. Báo chí Mỹ gia tăng chỉ trích chế độ độc tài của ông Diệm.

1.11.63 : Được Mỹ ngầm chấp thuận, các tướng lãnh trong quân đội VNCH lật đổ và sát hại anh em ông Diệm. Tướng Dương văn Minh lãnh đạo tập đoàn tướng lãnh làm đảo chánh. Saigon trải qua các cuộc xáo trộn chính trị liên tiếp (13 chính phủ trong 19 tháng). MTDTGP gia tăng các hoạt động ở nông thôn.

5.8.64 : » Biến cố vịnh Bắc Việt » : Hai khu trục hạm Mỹ Maddox và Turner Joy báo cáo bị tầu tuần duyên Bắc Việt tấn công tại vịnh Bắc Việt. Lấy cớ này, Tổng thống Johnson tức khắc ra lệnh oanh kích trả đũa các hệ thống tiếp tế và các « thuyền bè có trí súng » của Bắc Việt. Ông cũng đồng thời yêu cầu Quốc hội Mỹ lấy biểu quyết để trao cho ông quyền chọn « mọi biện pháp thiết yếu » để

giữ vững an ninh ở Đông nam Á. Thượng Viện Mỹ chấp thuận với số phiếu 88 thuận, 2 chống. Hạ Viện Mỹ chấp thuận với toàn bộ 416 phiếu. Sau này, Tổng thống Johnson trưng quyết nghị này của Quốc hội Mỹ như quyền để hành động về mặt quân sự mà không cần tuyên chiến. Sự thật về vụ gọi là « Biến cố vịnh Bắc Việt », về sau, tập « *Hồ sơ Mật của Ngũ giác Đài* » vạch rõ: Nhà cầm quyền Hoa-kỳ cho rằng mình không hay biết gì về những vụ hành quân bí mật trước đó của các đơn vị hải quân Nam Việt-nam trong khu vực hai khu trục hạm Mỹ bị bắn. Ngày 5.8.64, ông Mc Namara, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, được hỏi trong một cuộc họp báo rằng: « Có biến cố nào theo ông liên hệ tới các tàu Nam Việt-nam và Bắc Việt-nam? », ông đã khẳng định: « Không, không có gì hết theo tôi biết ». Cuộc nghiên cứu của Ngũ giác Đài được tiết lộ trong tập « *Hồ sơ Mật* » lại cho biết: « Vào nửa đêm ngày 30-7, các biệt kích hải quân Nam Việt-nam thuộc quyền chỉ huy của tướng Westmoreland đã đổ bộ đột kích 2 hòn đảo nhỏ ở vịnh Bắc Việt. Hiển nhiên các tầu Bắc Việt đã *tưởng lầm* các khu trục hạm Mỹ là tầu hộ tống Nam Việt-nam! Việc oanh tạc trả đũa Bắc Việt của Hoa-kỳ trong vòng không đầy 12 tiếng đồng hồ sau khi được tin cũng cho thấy việc tấn công của Hoa-kỳ đã được chuẩn bị sẵn sàng tới mức độ nào!

30.11.64 : Ông Lyndon Johnson vận động tranh cử cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ hứa « không nới rộng chiến tranh » đã thắng lớn trước đối thủ Barry Goldwater. Vào cuối năm này, lực lượng Mỹ ở Nam Việt-nam đã lên đến 23 000 người.

7.2.65 : Du kích quân tấn công căn cứ Mỹ ở Pleiku và hạ sát 8 người Mỹ. Lấy cớ này, Tổng thống Johnson ra lệnh mở đầu chiến dịch oanh tạc triệt để Bắc Việt.

8.2.65 : Hai đại đội đầu tiên của Thủy quân Lục chiến Hoa-kỳ đổ bộ lên Đà-nẵng.

Tháng 4.65 : T.T. Johnson tuyên bố Mỹ sẵn sàng thương thuyết về một nền hòa bình tách Nam Việt-nam thành một nước riêng. Hà-nội bác bỏ đề nghị này, đòi Hoa-kỳ rút quân để ngỏ cửa cho sự thống nhất Việt-nam.

Tháng 6.65 : Đảo chánh tại Nam Việt-nam. Tướng Nguyễn văn Thiệu trở thành nguyên thủ quốc gia và Thiếu tướng không quân Nguyễn cao Kỳ làm thủ tướng. Tòa Bạch Ốc xác nhận báo cáo là quân lực Mỹ bây giờ được phép tham chiến. Lực lượng quân sự Mỹ từ 74.000 tăng lên 148.000 người vào tháng 10. Tướng Westmoreland yêu cầu có 350.000 quân và tuyên bố là có thể thắng trong cuộc chiến.

24.12.65 : T.T. Johnson ra lệnh tạm ngưng oanh tạc miền Bắc Việt-nam và gửi các viên chức cao cấp đến nhiều thủ đô trên thế giới để vận động cho một nền hòa bình theo những điều kiện của Mỹ. Các cuộc tiếp xúc không đem tới một kết quả gì. Những cuộc oanh tạc lại tiếp tục 37 ngày sau đó.

Tháng 4.66 : Hoa-kỳ bắt đầu dùng máy bay B.52 oanh tạc Bắc Việt. Lực lượng quân đội Mỹ lên đến 389 000 người vào cuối năm.

Tháng 5.67 : Lực lượng Mỹ tiến vào vùng Phi Quân sự nói là « để ngăn chặn các đường xâm nhập từ Bắc ». Quân số Mỹ tại Việt-nam tăng đến 463.000 người vào tháng 6.

30.1.68 : MTDTGP khởi sự cuộc Tổng công kích Tết Mậu-thân vào tất cả các thành phố lớn tại Nam Việt-nam, đột kích tòa Đại sứ Mỹ ở Saigon, tràn ngập một phần khu vực Chợ-lớn, chiếm thành phố Huế.

3.13.68 : Tổng thống Jonhson tuyên bố rút lui khi mãn nhiệm kỳ, ra lệnh đình chỉ một phần những cuộc oanh tạc miền Bắc Việt-nam.

13.5.68 : Khởi sự những cuộc hòa đàm tại Pa-ri giữa Hoa-kỳ và Bắc Việt.

31.10.68 : Đình chỉ toàn thể các cuộc oanh tạc VNDCCH.

6.11.68 : Ông Nixon đắc cử Tổng thống Mỹ, đặt ông Cabot Lodge làm trưởng phái đoàn Hoa-kỳ tại Hòa hội Pa-ri.

15.1.69 : Thỏa thuận thương thuyết bốn bên tại Pa-ri.

8.6.69 : Thành lập Chính phủ CMLTCHMNVN. Tổng thống Nixon gặp Tổng thống Thiệu ở Midway và tuyên bố sẽ giảm bớt 25 000 trong số 541.000 quân Mỹ ở Việt-nam vào trước tháng 9.

4.8.69 : Lần gặp gỡ Mật đầu tiên giữa ông Kissinger và đại diện Bắc Việt tại Pa-ri.

3.9.69 : Cụ Hồ chí Minh mất.

Tháng 11.69 : Nixon loan báo chương trình « Việt-nam hóa » cuộc chiến.

29.4.70 : Quân đội VNCH và Hoa-kỳ mở cuộc « hành quân vượt biên » tiến sang Cam-bốt tiếp theo cuộc đảo chánh lật đổ Hoàng thân Sihanouk. Những binh sĩ cuối cùng của Hoa-kỳ rời Cam-bốt ngày 29 6 ; 40.000 binh sĩ VNCH còn ở lại Cam-bốt để bảo vệ các thành phố chính cho tới cuối năm 1971.

7.10.70 : Tổng thống Nixon đề nghị ngưng chiến tại chỗ cho khắp Đông-dương. Hà-nội bác bỏ đề nghị này và đòi Mỹ rút quân.

8.2.71 : Với sự hỗ trợ của Hoa-kỳ, quân đội VNCH mở cuộc « hành quân vượt biên » tiến vào Hạ Lào. Số quân này trở lại Nam Việt-nam vào 2 tháng sau.

26.6.71 : Trong cuộc mật đàm, đại diện Hà-nội đưa ra đề nghị 9 điểm của VNDCCH.

1.7.71 : Tại Hội nghị Ba-lê, bà Nguyễn thị Bình công bố đề nghị 7 điểm của Chính phủ CMLTCHMNVN.

11.10.71 : Trong cuộc mật đàm, Kissinger đưa ra đề nghị 8 điểm của Hoa-kỳ.

26.1.72 : Mỹ tiết lộ đề nghị 8 điểm đã đưa ra trong cuộc mật đàm ngày 11-10-71.

31.1.72 : Hà-nội công bố đề nghị 9 điểm đã đưa ra trong cuộc mật đàm ngày 26-6-71.

9.3.72 : 50.000 quân VNCH mở cuộc hành quân « tái xâm nhập » vào lãnh thổ Cam-bốt.

30.3.72 : Cộng quân khởi sự cuộc tổng tấn công tại miền Nam Việt-nam.

6.4.72 : Hoa-kỳ tái oanh tạc miền Bắc Việt-nam.

1.5.72 : Cộng quân chiếm tỉnh lỵ Quảng-trị và kiểm soát tỉnh cực Bắc này.

8.5.72 : Nixon ra lệnh phong tỏa, thả mìn tại các hải cảng và sông ngòi Bắc Việt. Hoa-kỳ đề nghị rút quân trong vòng 4 tháng sau khi đạt được ngưng bắn có quốc tế giám sát.

17.6.72 : Mỹ chấm dứt vai trò tác chiến ở Việt-nam, một lực lượng 60.000 người còn ở lại.

12.9.72 : Vụ nổ ở phi trường Biên-hòa, phá hư 70 phi cơ.

8.10.72 : Hà-nội đề nghị với Hoa-kỳ một tài liệu, dựa theo đó, văn kiện chấm dứt chiến tranh sẽ được soạn thảo. Kissinger kéo cả bộ tham mưu qua Pa-rại mật đàm sâu rộng

trên « sáng kiến mới » này của Hà-nội cho tới ngày 11-10-72.

26.10.72 : Bắc Việt công bố dự thảo hiệp định 9 điểm đã được Hoa-kỳ thỏa thuận và tố cáo Mỹ không tôn trọng thời gian biểu ký kết.

27.10 72 : Hoa-kỳ ngưng oanh tạc Bắc Việt từ trên vĩ tuyến 20. Các cuộc vận động trong cuộc tổng tuyển cử ở Mỹ bước vào giai đoạn chót.

7.11 72 : Ông Nixon tái đắc cử Tổng thống Hoa-kỳ.

20 11.72 : Đại diện Mỹ — Bắc Việt lại tiếp tục các cuộc mật đàm cho tới 25-11 (6 phiên) ; rồi từ 4 đến 13-12 (9 phiên).

16.12.72 : Cố vấn của Tổng thống Mỹ, ông Kissinger, họp báo nói là các cuộc thương thuyết chưa đạt được kết quả.

18 tới 29.12.72 : Tổng thống Nixon ra lệnh tái oanh tạc triệt để, nhắm vào các thành phố quan trọng của của VNDCCH, trong đó gồm cả Hà-nội và Hải-phòng. 17 máy bay B.52, 10 máy bay F.111 đã bị bắn hạ và khoảng 100 phi công Mỹ đã bị bắt hoặc mất tích sau 12 ngày oanh tạc dữ dội này.

30.12 72 : Tổng thống Nixon ra lệnh ngưng dội bom trên vĩ tuyến 20.

8.1.73 : Nixon khẩn cấp ra lệnh ngưng các cuộc oanh kích từ trên không, trên biển vào Bắc Việt, ngưng thả mìn tại các cảng và sông ngòi Bắc Việt.

24.1.73 : Bốn bên tham dự Hòa đàm Pa-ri cùng lúc chính thức công bố :

— **27 1 :** Ký kết « Hiệp-định chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt-nam ».

— **28 1 :** Thực hiện việc ngưng bắn trên toàn lãnh thổ Việt-nam.

5 NĂM THƯƠNG THUYẾT cho hòa bình Việt-nam (1968-1973)

1968

31 THÁNG BA : Tổng thống Johnson đề nghị mở những cuộc thương nghị với Hà-nội và ngưng oanh tạc ở Bắc vĩ tuyến thứ 20. Ngày 3 tháng Tư, Hà-nội chấp nhận thương thuyết.

13 THÁNG NĂM : Cuộc hội kiến đầu tiên tại Pa-ri giữa hai phái đoàn, một do ông Harriman cầm đầu, một do ông Xuân Thủy cầm đầu. Có 28 phiên họp chính thức, một thời gian gián đoạn từ 13 tới 25 tháng Sáu vì lý do Saigon bị pháo kích, và nhiều cuộc mật đàm trong mùa Hè.

THÁNG MƯỜI : Trước khi toàn bộ những cuộc oanh tạc VNDCCH chấm dứt vào cuối tháng, khởi sự thảo luận về vấn đề đại diện của chế độ Saigon và của MTDTGP.

4 THÁNG MƯỜI MỘT : Bà Nguyễn thị Bình tới Pa-ri.

16 THÁNG MƯỜI HAI : Ông Trần bửu Kiếm, cầm đầu phái đoàn của Mặt trận tới Pa-ri.

8 THÁNG MƯỜI HAI : Ông Phạm đăng Lâm, trưởng phái đoàn Saigon; và « cố vấn » của ông, Phó Tổng thống Nguyễn cao Kỳ, tới. Những cuộc thương thuyết kéo dài về vấn đề hình thức cái bàn dùng trong các cuộc thương nghị.

1969

6 THÁNG GIÊNG : Ông Cabot Lodge thay thế ông Harriman, cầm đầu phái đoàn Hoa-kỳ.

15 THÁNG GIÊNG : Thỏa thuận mở những cuộc thảo luận bốn bên.

8 THÁNG NĂM : MTDTGP trình bầy kế hoạch hòa bình 8 điểm.

4 THÁNG TÁM : Cuộc gặp gỡ bí mật đầu tiên Kissinger—Xuân Thủy.

20 THÁNG MƯỜI MỘT : Ông Cabot Lodge từ chức ; chức vụ quyền trưởng phái đoàn Hoa-kỳ được trao cho ông Habib.

1970

21 THÁNG HAI : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

16 THÁNG BA : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

4 THÁNG TƯ : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

2 THÁNG SÁU : Ông Bruce được cử làm trưởng phái đoàn Hoa-kỳ.

7 THÁNG CHÍN : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

17 THÁNG CHÍN : Bà Bình đưa ra những đề nghị mới.

27 THÁNG CHÍN : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

8 THÁNG MƯỜI : Kế hoạch hòa bình 5 điểm của ông Nixon.

1971

31 THÁNG NĂM : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

26 THÁNG SÁU : Hà-nội bí mật đưa ra một kế hoạch mới

gồm 9 điểm để giải quyết vấn đề Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương. Ông Kissinger có mặt bí mật tại Pa-ri.

1 THÁNG BẢY : MTDTGP đưa ra kế hạch hòa bình 7 điểm. Ông Porter thay thế ông Bruce ở chức vụ trưởng phái đoàn Hoa-kỳ.

12 THÁNG BẢY : Gặp gỡ bí mật tại Pa-ri giữa ông Kissinger và các đại diện Bắc Việt.

26 THÁNG BẢY : Lại gặp gỡ bí mật.

16 THÁNG TÁM : Ông Kissinger bí mật đề nghị một kế hoạch hòa bình mới.

13 THÁNG CHÍN : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

1972

25 THÁNG GIÊNG : Tổng thống Nixon trình bầy kế hoạch hòa bình 8 điểm.

2 THÁNG HAI : MTDTGP « nói rõ » về hai điểm chính yếu trong Tuyên ngôn tháng 7-1971.

22 THÁNG HAI : Tổng thống Nixon đi Bắc-kinh.

2 THÁNG NĂM : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri.

22 THÁNG NĂM : Tổng thống Nixon đi Mạc-tư-khoa.

19 THÁNG BẢY : Mở lại những cuộc hội đàm bí mật. Ông Kissinger trở lại Pa-ri ngày 1 và ngày 4 tháng Tám.

11 THÁNG CHÍN : « Tuyên ngôn quan trọng » của MTDTGP.

15 THÁNG CHÍN : Ông Kissinger bí mật qua Pa-ri. Viên cố vấn của ông Nixon lại gặp các đại diện của Bắc Việt ngày 26 và 27 tháng Chín.

8-12 THÁNG MƯỜI : Các cuộc hội đàm Kissinger — Lê đức Thọ. Ngày 8, các đại diện Bắc Việt trình bầy tài liệu căn bản phát xuất bản văn dứt khát sau này. Ngày 9, thỏa thuận chấm dứt chiến tranh vào ngày 18. Ngày 11, Hoa thịnh Đốn đề nghị lùi lại tới ngày 21 việc đình chỉ chiến sự.

17 THÁNG MƯỜI : Gặp gỡ Kissinger — Xuân Thủy : thỏa thuận về bản văn dứt khoát hầu như đã hoàn toàn.

18 THÁNG MƯỜI : Ông Kissinger tới Saigon : gặp Tổng thống Thiệu.

20 THÁNG MƯỜI : Điệp văn của ông Nixon gửi Thủ tướng Phạm văn Đồng. Thủ tướng Phạm văn Đồng phúc đáp, coi sự thỏa thuận đã hầu như hoàn toàn.

21 THÁNG MƯỜI : Trong một cuộc phỏng vấn dành cho tạp chí *Newsweek*, Thủ tướng Phạm văn Đồng tiết lộ những nét chính của thỏa hiệp.

22 THÁNG MƯỜI : Trong một hay hai điệp văn gửi Thủ tướng Phạm văn Đồng, Ông Nixon viết rằng thỏa hiệp cần phải duyệt xét lại. Ông Kissinger gặp Thống chế Lon Nol sau khi đã gặp Tổng thống Thiệu ; ông Sullivan đi Vọng-các và Vạn-tượng. Trên nguyên tắc, chiến tranh sẽ đình chỉ vào ngày 31 tháng Mười.

23 THÁNG MƯỜI : Ông Kissinger trở lại Hoa thịnh Đốn.

24 THÁNG MƯỜI : Tổng thống Thiệu loan báo sắp có ngưng bắn, nhưng bác bỏ thỏa hiệp đã kết thúc. Không còn một cuộc oanh tạc nào của Hoa-kỳ ở phía Bắc vĩ tuyến thứ 20.

26 THÁNG MƯỜI : Ngày khai diễn phiên khoáng đại thứ

164 của Hòa đàm Pa-ri, Hà-nội công bố bản văn thỏa hiệp ; ông Kissinger tuyên bố tài liệu này là đích thực, nhưng còn nhiều điểm nhỏ phải thanh toán.

27 THÁNG MƯỜI : Tổng thống Thiệu tuyên bố Saigon phải được dự vào việc ký kết thỏa hiệp. Bắc Việt không phản đối.

30 THÁNG MƯỜI : MTDTGP tuyên bố việc Hoa thịnh Đốn không chịu ký thỏa hiệp vào ngày 31 đã tạo ra « *một tình thế cực kỳ nghiêm trọng* ».

31 THÁNG MƯỜI : Bất chấp cả những lời đòi hỏi liên tiếp của Hà-nội, Mạc tư Khoa và Bắc-kinh, Hoa thịnh Đốn vẫn không chịu ký thỏa hiệp.

4 THÁNG MƯỜI MỘT : Hoa-kỳ khởi sự trao cho Saigon hàng trăm phi cơ và chiến xa.

7 THÁNG MƯỜI MỘT : Ông Nixon tái đắc cử Tổng thống Hoa-kỳ.

10 THÁNG MƯỜI MỘT : Hội đàm Haig — Thiệu tại Saigon. Tướng Haig trở lại Hoa thịnh Đốn ngày 13.

14 THÁNG MƯỜI MỘT : Hà-nội chấp nhận đề nghị của Hoa-kỳ về việc mở lại những cuộc thảo luận riêng. Ông Lê đức Thọ tới Pa-ri ngày 17 và tuyên bố : « Hà-nội vẫn duy trì thỏa hiệp đã kết thúc vào tháng Mười. »

20 THÁNG MƯỜI MỘT : Mở lại các cuộc hội đàm.

25 THÁNG MƯỜI MỘT : Các cuộc thảo luận bị gián đoạn và được dự trù mở lại ngày 4 tháng Mười Hai.

29 THÁNG MƯỜI MỘT : Các ông Nixon và Kissinger tiếp các sứ giả của Tổng thống Thiệu.

4 THÁNG MƯỜI HAI : Mở lại các cuộc đàm phán.

13 THÁNG MƯỜI HAI : Ông Kissinger trở lại Hoa thịnh Đốn, gặp Tổng thống Nixon ngày 14; trong lúc các cuộc thảo luận vẫn tiếp tục giữa các chuyên viên.

15 THÁNG MƯỜI HAI : Ông Lê đức Thọ trở lại Hà-nội. Ông tuyên bố sẽ duy trì sự liên lạc tiếp xúc với ông Kissinger.

16 THÁNG MƯỜI HAI : Ông Kissinger tố cáo « phe Cộng sản » đã đặt ra những điều kiện mới cho việc ký kết thỏa hiệp. Hà-nội tố cáo Hoa thịnh Đốn đòi xét lại thỏa hiệp tháng Mười.

18 THÁNG MƯỜI HAI : Những cuộc tấn công của Mỹ vào VNDCCH dữ dội chưa từng thấy; máy bay B.52 oanh tạc Hà-nội và Hải-phòng.

22 THÁNG MƯỜI HAI : Các đại biểu của Hà-nội và của MTDTGP rời khỏi bàn hội đàm ở đại lộ Kléber sau khi kết thúc các bài diễn văn của mình.

28 THÁNG MƯỜI HAI : Bắc-kinh dành cho Bà Bình một cuộc tiếp đón hết sức long trọng.

29 THÁNG MƯỜI HAI : Tổng thống Nixon đình chỉ các cuộc tấn công ở trên vĩ tuyến 20.

1973

2 THÁNG GIÊNG : Gặp gỡ giữa các chuyên viên của hai phái đoàn.

8 THÁNG GIÊNG : Mở lại những cuộc hội đàm Kissinger—Lê đức Thọ.

13 THÁNG GIÊNG : Ông Kissinger trở lại Hoa thịnh Đốn. Hai phe ghi nhận « sự tiến triển ».

14 THÁNG GIÊNG : Tổng thống Nixon hội đàm với các ông Kissinger và Haig. Ông Haig lên đường đi Saigon.

15 THÁNG GIÊNG : Mỹ đình chỉ mọi cuộc oanh tạc VNDCCH.

17 THÁNG GIÊNG : Hòa đàm Pa-ri đình hoãn *vô thời hạn*.

21 THÁNG GIÊNG : Bà Bình trở lại Pa-ri, tướng Haig về Hoa thịnh Đốn.

22 THÁNG GIÊNG : Ông Kissinger và ông Lắm, Tổng trưởng bộ Ngoại giao VNCH tới Pa-ri.

23 THÁNG GIÊNG : Hiệp định ngưng bắn được sơ thảo.

27 THÁNG GIÊNG : Các Ngoại trưởng của Bốn bên tham dự hòa đàm Pa-ri ký kết « Hiệp định chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt-nam ».

28 THÁNG GIÊNG : Ngưng bắn có hiệu lực tại Nam Việt-nam vào 1 giờ sáng, giờ Pa-ri (tức là 8 giờ sáng, giờ Saigon).

Để đạt tới hiệp định này, ngoài 174 phiên họp bốn bên tại Đại lộ Kléber, còn cần tới 88 phiên họp hai phe vào năm 1968, nhiều cuộc gặp gỡ « kỹ thuật » vào cuối năm 1968 và đầu năm 1969, và nhiều cuộc gặp gỡ « riêng » hay mật.

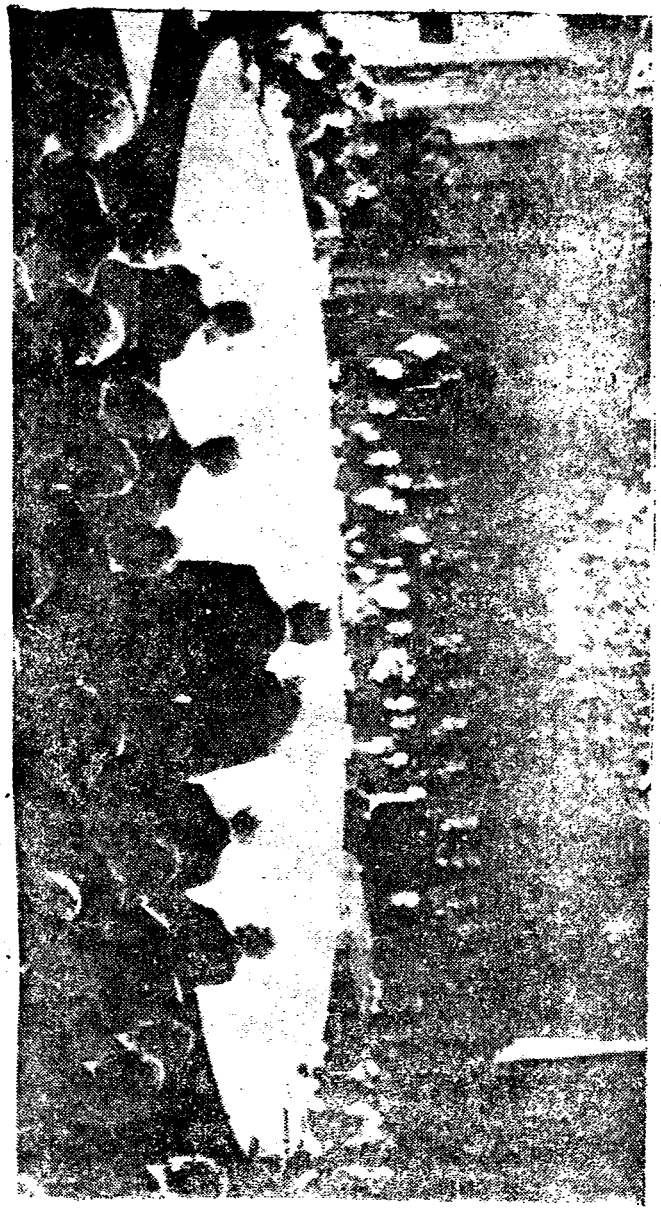

Các Ngoại trưởng của Bốn bên tham dự Hòa đàm Pa ri đang ký kết « Hiệp định Chấm dứt Chiến tranh và Lập lại Hòa bình tại Việt-nam ». Quang cảnh buổi lễ ký kết diễn ra tại Pa ri hôm 27 tháng Giêng 1973.

PHẦN TÀI LIỆU

HỘI NGHỊ GENÈVE 1954 VỀ Đ.D / PHẦN VỀ V.N.

Hội nghị Genève 1954 lúc khai mạc vào ngày 25-4-1954, Ngũ Cường định bao biện giải quyết cả vấn đề Triều-tiên lẫn Đông-dương. Cứ một hôm bàn về Triều-tiên lại một hôm bàn về Đông-dương. Nhưng các cuộc thảo luận về vấn đề thống nhất Triều-tiên trong Hội nghị này không đưa đến kết quả nào, nên nay nói đến Hội nghị Genève 1954, người ta thường chỉ nghĩ tới một Hội nghị về Đông-dương.

Hội nghị khai mạc từ 26-4-1954, nhưng các phiên họp về Đông-dương chỉ thực sự bắt đầu từ 8-5-1954 với sự tham dự của 9 phái đoàn : Pháp, Anh, Hoa-kỳ, Liên-xô, Trung-cộng, Cam-bốt, Ai-lao và 2 phái đoàn của hai chính phủ ở Việt-nam : Chính phủ Quốc gia Việt-nam (Bảo Đại) và Chính phủ VNDCCH (Hồ chí Minh).

Các văn kiện được kể là văn kiện Hiệp định trong Hội nghị này gồm có :

1. *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt-nam.*
2. *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Ai-lao.*
3. *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Cam-bốt.*
4. *Tuyên bố Cuối cùng của Hội nghị.*

Bản Tuyên bố Cuối cùng tuy được xem như là tuyên cáo của Hội nghị, nhưng không mang chữ ký của bất cứ một phái đoàn nào.

Ngoài 4 văn kiện kể trên, có 2 văn kiện khác đã được 2 Phái đoàn đưa ra trong Hội nghị nhằm xác định lập trường riêng của mình. Đó là :

1. Tuyên ngôn của Phái đoàn Quốc gia Việt-nam.

2. Tuyên ngôn của Phái đoàn Hoa-kỳ.

Cả hai phái đoàn Quốc gia Việt-nam và Hoa-kỳ đã không ký vào bất cứ một văn kiện nào của Hội nghị Genève 1954.

Sau đây là toàn văn của tất cả các văn kiện vừa kể (Riêng các Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Ai-lao và Cam-bốt xin xem trong Phần Tài liệu thuộc mỗi nước) :

HIỆP ĐỊNH ĐÌNH CHỈ CHIẾN SỰ Ở VIỆT-NAM

CHƯƠNG I

GIỚI TUYẾN QUÂN SỰ TẠM THỜI VÀ KHU PHI QUÂN SỰ

ĐIỀU 1 : Một giới tuyến quân sự tạm thời sẽ được quy định rõ, để lực lượng của hai bên, sau khi rút lui, sẽ tập hợp ở bên này và bên kia giới tuyến ấy : Lực lượng Quân đội Nhân dân Việt-nam ở phía Bắc giới tuyến, Lực lượng Quân đội Liên hiệp Pháp ở phía Nam giới tuyến.

Giới tuyến quân sự tạm thời quy định như trong bản đồ kèm theo (xem bản đồ số 1). (1)

Hai bên đều đồng ý có một khu phi quân sự hai bên giới tuyến, mỗi bên rộng nhất là 5 cây số kể từ giới tuyến trở đi. Khu phi quân sự này dùng để làm khu đệm và để tránh những việc xung đột có thể làm cho chiến sự xảy trở lại.

ĐIỀU 2 : Kỳ hạn cần thiết để thực hiện việc di chuyển hoàn toàn các lực lượng của hai bên về vùng tập hợp của

---

(1) Theo Phụ bản kèm theo Hiệp định thì giới tuyến quân sự tạm thời được định từ Đông sang Tây như sau : — Cửa sông Bến Hát (sông Cửa Tùng) và giòng sông đó (trong vùng núi, sông này tên là Bảo Thành) cho đến làng Bô Hô Su cho đến biên giới Lào—Việt» *(Chú thích của Ban Biên Tập)*.

họ ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời không được quá ba trăm (300) ngày, kể từ ngày Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực.

ĐIỀU 3 : Khi giới tuyến quân sự tạm thời trùng với một giòng sông, thì thuyền bè của dân đều có thể đi lại trên những khúc sông nào mà mỗi bờ sông do mỗi bên kiểm soát. Ban Liên hợp sẽ quy định thể lệ đi lại trên những khúc sông ấy.

Các tầu buôn và các loại thuyền bè khác của dân ở mỗi bên đều có quyền cập bến trong khu vực bên mình kiểm soát mà không bị hạn chế gì.

ĐIỀU 4: Giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai vùng tập hợp kéo dài ra ngoài hải phận theo một đường thẳng góc với đường ven biển.

Lực lượng Liên hiệp Pháp sẽ rút khỏi tất cả các hải đảo ven bờ biển thuộc phía Bắc giới tuyến ấy ; Quân đội Nhân dân Việt-nam sẽ rút khỏi tất cả các hải đảo thuộc phía Nam

ĐIỀU 5 : Để tránh những sự xung đột có thể gây lại chiến sự, tất cả lực lượng, vật liệu và dụng cụ quân sự đều phải đưa ra khỏi khu phi quân sự trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày kể từ ngày Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực.

ĐIỀU 6 : Bất cứ người nào, hoặc quân nhân, hoặc người thường đều không được vượt qua giới tuyến quân sự tạm thời, nếu không được phép rõ ràng của Ban Liên hợp.

ĐIỀU 7 : Bất cứ người nào hoặc quân nhân, hoặc người thường, đều không được đi vào khu phi quân sự,

ngoại trừ những người có trách nhiệm và hành chính dân sự và về tổ chức cứu tế, và những người được phép rõ ràng của Ban Liên hợp.

ĐIỀU 8 : Việc hành chính và tổ chức cứu tế ở trong khu phi quân sự mỗi bên giới tuyến quân sự tạm thời thuộc vùng của bên nào thì do Tổng Tư lệnh của bên ấy phụ trách. Số người, quân nhân và người thường, của mỗi bên được phép vào trong khu phi quân sự để đảm bảo việc hành chính và việc tổ chức cứu tế đều do Tư lệnh của mỗi bên ấn định, nhưng bất kỳ lúc nào cũng không được quá số người mà Ban Quân sự Trung-giả hay ban Liên hợp sẽ quy định.

Ban Liên hợp sẽ ấn định số nhân viên Cảnh sát hành chính, số võ khí của những nhân viên cảnh sát ấy. Không ai được mang võ khí nếu không được phép rõ ràng của Ban Liên hợp.

ĐIỀU 9 : Không có một khoản nào trong chương này có thể hiểu theo ý nghĩa làm mất quyền hoàn toàn tự do ra vào hay đi lại trong khu phi quân sự của Ban Liên hợp, của những Toán Liên hợp, của Ban Quốc tế thành lập như quy định dưới đây, của những đội kiểm tra, cùng tất cả những người khác và vật liệu, dụng cụ đã được phép rõ ràng của Ban Liên hợp cho vào khu phi quân sự. Khi cần đi lại từ một điểm này đến một điểm kia trong khu phi quân sự mà không có đường thủy hay đường bộ nằm hẳn trong khu phi quân sự, thì được phép dùng những con đường thủy hay đường bộ nối hai điểm ấy đi ngang qua vùng đặt dưới quyền kiểm soát quân sự của bất cứ một bên nào.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC VÀ CÁCH THỨC THI HÀNH HIỆP ĐỊNH NÀY

ĐIỀU 10 : Các Bộ Tư lệnh quân đội đôi bên, một bên là Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt-nam, một bên là Tổng Tư lệnh Quân đội Liên hiệp Pháp ở Đông-dương, sẽ ra lệnh hoàn toàn đình chỉ chiến sự ở Việt-nam cho tất cả lực lượng võ trang đặt dưới quyền của họ, kể tất cả các đơn vị và nhân viên Lục, Hải, Không quân, và bảo đảm sự thực hiện đình chỉ chiến sự đó.

ĐIỀU 11 : Theo nguyên tắc ngừng bắn đồng thời khắp toàn cõi Đông-dương, sự đình chỉ chiến sự phải đồng thời trên toàn cõi Việt-nam, tại tất cả các chiến trường và cho tất cả mọi lực lượng của hai bên.

Tính theo thời gian thực sự cần thiết để chuyển lệnh ngưng bắn tới những cấp thấp nhất của lực lượng chiến đấu đôi bên, hai bên đồng ý sẽ thực hiện ngừng bắn hoàn toàn và đồng thời theo từng khoảnh lãnh thổ, trong những điều kiện sau đây :

— Ở Bắc bộ Việt-nam, đúng 8 giờ (địa phương) ngày hai mươi bảy (27) tháng Bảy (7) năm 1951.

— Ở Trung bộ Việt-nam, đúng 8 giờ (địa phương) ngày mồng một (1) tháng Tám (8) năm 1954.

— Ở Nam bộ Việt-nam, đúng 8 giờ (địa phương) ngày mười một (11) tháng Tám (8) năm 1954.

Giờ địa phương nói trong Điều này là giờ kinh tuyến Bắc-kinh.

Kể từ khi thực hiện ngưng bắn thực sự ở Bắc bộ Việt-nam, mỗi bên cam đoan không mở những cuộc tấn công lớn trên toàn cõi chiến trường Đông-dương, không huy động lực lượng không quân ở các căn cứ miền Bắc bộ Việt-nam ra ngoài địa hạt Bắc bộ Việt-nam. Hai bên cam đoan gửi cho nhau để biết những kế hoạch chuyển quân của mình từ vùng tập hợp này sang vùng tập hợp khác trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày kể từ ngày Hiệp định này bắt này bắt đầu có hiệu lực.

ĐIỀU 12 : Tất cả những hành động và vận chuyển trong việc đình chỉ chiến sự và việc thực hiện cách tập hợp phải tiến hành trong trật tự và an toàn.

a) Trong thời hạn một số ngày sau khi thực hiện ngừng bắn thực sự do Ban Quân sự Trung-giá định, mỗi bên có trách nhiệm cất dọn và làm mất hiệu lực những địa lôi và thủy lôi (kể cả ở sông và ở biển), những cạm bẫy, những chất nổ và tất cả những chất nguy hiểm khác mà bên ấy đã đặt trước. Trong trường hợp không kịp cất dọn và làm mất hiệu lực các loại nói trên, thì phải đặt những dấu hiệu rõ rệt.

Tất cả những nơi phá hoại, những nơi có địa lôi, những lưới dây thép gai và những vật chướng ngại khác cho sự đi lại tự do của nhân viên Ban Liên hợp và của các Toán Liên hợp mà người ta tìm ra sau khi bộ bội đã rút đi, thì Tư lệnh các lực lượng của hai bên phải báo cho Ban Liên hợp biết.

b) Trong thời kỳ kể từ khi ngừng bắn cho đến khi tập hợp xong quân đội ở hai bên giới tuyến :

1— Ở những khu định giao cho bộ đội của một bên tạm đóng thì bộ đội của bên kia tạm rút ra ngoài những khu đó.

2— Trong khi lực lượng của một bên rút theo một đường giao thông (đường đất, đường xe lửa, đường sông hay đường biển) đi ngang qua địa hạt của bên kia (Xem Điều 24) thì lực lượng của bên kia phải tạm thời lùi xa hai bên đường giao thông mỗi bên 3 cây số, nhưng tránh làm trở ngại cho sự đi lại của thường dân.

ĐIỀU 13 : Trong thời kỳ kể từ ngày ngừng bắn đến khi chuyển quân xong từ vùng này sang vùng kia, các phi cơ thường và phi cơ vận tải quân sự phải bay theo những hành lang nhất định nối liền các khu đóng quân tạm thời của Quân đội Liên hiệp Pháp ở phía Bắc giới tuyến với biên giới Lào và vùng tập hợp dành cho quân đội Liên hiệp Pháp.

Những hành lang trên không, bề rộng của các hành lang ấy, hành trình an toàn mà các phi cơ quân sự một động cơ phải theo trong việc chuyển về phía Nam, và những thể thức tìm kiếm và cứu nạn những phi cơ bị nạn sẽ do Ban Quân sự Trung giá ấn định tại chỗ.

ĐIỀU 14 : Những biện pháp chính trị và hành chính trong hai vùng tập hợp, ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời :

a) Trong khi đợi Tổng Tuyển cử để thực hiện thống nhất nước Việt-nam, bên nào có quân đội của mình tập hợp ở vùng nào theo quy định của Hiệp định này thì bên ấy sẽ phụ trách quản trị hành chính ở vùng ấy.

b) Một địa hạt thuộc quyền của bên này sắp chuyển giao cho bên kia theo kế hoạch tập hợp thì vẫn do bên này tiếp tục quản trị cho đến ngày tất cả bộ đội của mình đã rời khỏi địa hạt có thể giao cho bên kia chịu trách nhiệm quản trị.

Phải thi hành những biện pháp để tránh sự gián đoạn trong vấn đề chuyển giao trách nhiệm này. Để đạt mục đích ấy, bên rút đi phải kịp thời báo trước cho bên kia để bên kia có những sự sắp xếp cần thiết, nhất là việc cử những nhân viên hành chính và cảnh sát đến để chuẩn bị tiếp nhận trách nhiệm về hành chính. Thời hạn báo trước sẽ do Ban Quân sự Trung giá ấn định. Sự chuyển giao ấy sẽ tiến hành lần lượt theo từng khoảnh đất đai.

Sự chuyển giao về hành chính Hà-nội và Hải-phòng cho nhà đương cục của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa phải hoàn toàn thi hành xong trong những thời hạn đã ấn định ở Điều khoản thứ 15 về việc chuyển quân.

c) Mỗi bên cam kết không dùng cách trả thù hay phân biệt đối xử nào đối với những cá nhân hoặc tổ chức, vì lý do của họ trong lúc chiến tranh, và cam kết bảo đảm những quyền tự do dân chủ của họ.

d) Trong thời gian kể từ khi Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực đến ngày hoàn thành việc chuyển quân, nếu có những thường dân ở một khu thuộc quyền kiểm soát của bên này mà muốn sang ở vùng giao cho bên kia, thì nhà chức trách của khu trên phải cho phép và giúp đỡ sự di chuyển ấy.

ĐIỀU 15 : Việc tách rời bộ đội chiến đấu, việc rút quân, việc chuyển quân và vật liệu, dụng cụ quân sự, phải tiến hành theo những nguyên tắc sau đây :

a) Việc rút quân và chuyển quân, vật liệu và dụng cụ quân sự của hai bên phải làm xong trong thời hạn ba trăm (300) ngày như đã ấn định ở Điều khoản thứ 2 của Hiệp định này.

b) Những cuộc rút quân tuần tự phải tiến hành trong

mỗi địa hạt, theo từng khu vực, từng phần khu vực, hoặc từng tỉnh.

Những cuộc chuyển quân từ vùng tập hợp này sang vùng tập hợp khác sẽ tiến hành liên tiếp từng đợt hàng tháng và tính theo tỷ lệ số quân phải chuyển.

c) Hai bên sẽ đảm bảo sự thực hiện việc rút và chuyển tất cả các lực lượng theo đúng mục đích nói trong Hiệp định, không dung thứ một hành vi đối địch nào, không được làm bất cứ việc gì có thể trở ngại cho việc rút quân và chuyển quân của nhau. Hai bên phải giúp đỡ lẫn nhau trong phạm vi có thể được.

d) Hai bên không dung thứ bất cứ hành động nào hủy hoại hoặc phá hoại tài sản công cộng và xâm phạm đến sinh mạng và tài sản của thường dân. Hai bên cũng không dung thứ bất cứ sự can thiệp nào vào nội chính địa phương.

e) Ban Liên hợp và Ban Quốc tế theo rõi việc thi hành những biện pháp đảm bảo an toàn của bộ đội trong khi rút và trong khi chuyển.

f) Ban Quân sự Trung-giá và sau này Ban Liên hợp sẽ cùng nhau ấn định những thể thức cụ thể và việc tách rời bộ đội chiến đấu, việc rút quân và chuyển quân, căn cứ trên những nguyên tắc đã kể trên và trong khuôn khổ sau đây :

1— Việc tách rời bộ đội chiến đấu, bao gồm sự tụ họp tại chỗ các lực lượng vũ trang bất cứ thuộc loại nào, sự vận chuyển tới những khu đóng quân tạm thời của một bên, và sự tạm rút của quân đội bên kia, phải làm xong trong một thời hạn không được quá mười lăm (15) ngày, sau ngày thực hiện ngừng bắn.

Đường vạch những khu đóng quân tạm thời được ấn định trong Phụ bản (địa đồ kèm theo).

Để tránh mọi việc xung đột, không bộ đội nào được đóng dưới 1.500 thước cách giới hạn của những khu đóng quân tạm thời.

Trong thời kỳ kể từ ngày Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, đến ngày chuyển quân xong, tất cả những đảo gần bờ biển ở phía Tây con đường định sau đây, đều thuộc khu chu vi Hải-phòng :

— Kinh tuyến của mỏm phía Nam cù lao Kê-bào.

— Bờ bể phía Bắc của đảo Rousse (không kể hòn đảo ấy) kéo dài tới kinh tuyến Cẩm-phả Mỏ

— Kinh tuyến Cẩm-phả Mỏ.

2— Những cuộc rút quân và chuyển quân sẽ tiến hành theo thứ tự và những thời gian (kể từ ngày Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực) định sau đây :

— Quân đội Liên hiệp Pháp :

Chu vi Hà-nội tám mươi (80) ngày.

Chu vi Hải-dương một trăm (100) ngày.

Chu vi Hải-phòng ba trăm (300) ngày.

— Quân đội Nhân dân Việt-nam :

Khu Hàm-tân — Xuyên-mộc tám mươi (80) ngày.

Đợt thứ nhất của khu tạm đóng quân ở Trung-bộ Việt-nam tám mươi (80) ngày.

Khu Đồng-tháp-mười một trăm (100) ngày.